

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**



---

Tháng 3 năm 2023

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 24

### **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

- |                          |  |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Doãn Văn Quang    | Chủ tịch                                       |
| 2. Ông Daisuke Komoto    | Ủy viên  |
| 3. Ông Shunjiro Suga     | Ủy viên  |
| 4. Ông Doãn Trường Giang | Ủy viên  |
| 5. Ông Vũ Tế Vĩ          | Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2022)   |
| 6. Ông Trần Văn Thiệu    | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2022) |

##### **Tổng Giám đốc**

- |                          |               |
|--------------------------|---------------|
| 1. Ông Doãn Trường Giang | Tổng Giám đốc |
|--------------------------|---------------|

##### **Ban Kiểm soát**

- |                           |            |
|---------------------------|------------|
| 1. Ông Phạm Minh Hưng     | Trưởng ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Trúc     | Thành viên |

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
Số 130, đường Lê Lợi, phường Yên Kiều, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp



**Đoàn Trường Giang**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 13 tháng 03 năm 2023

03/03/2023



Số: 031303/2023/BCKT-iCPA

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2023, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Khúc Đình Dũng  
Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2023-072-01  
Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Huy Hùng  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2023-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>357.583.235.321</b>	<b>303.562.141.606</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>161.649.075.460</b>	<b>116.115.107.853</b>
1. Tiền	111		15.842.861.852	5.570.016.102
2. Các khoản tương đương tiền	112		145.806.213.608	110.545.091.751
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>95.744.930.436</b>	<b>50.252.054.795</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		95.744.930.436	50.252.054.795
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>40.376.263.288</b>	<b>99.400.905.865</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.693.897.938	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.276.781.359	24.088.401.756
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	18.364.527.340	75.271.447.458
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		41.056.651	41.056.651
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>58.073.305.346</b>	<b>37.576.690.151</b>
1. Hàng tồn kho	141		58.073.305.346	37.576.690.151
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.739.660.791</b>	<b>217.382.942</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	112.808.680	186.782.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.227.892.550	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	398.959.561	30.600.742
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>160.156.079.384</b>	<b>212.342.213.204</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>147.619.661.970</b>	<b>194.950.127.960</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	146.785.002.473	194.950.127.960
- Nguyên giá	222		578.126.338.103	571.283.364.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(431.341.335.630)	(376.333.236.884)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	834.659.497	-
- Nguyên giá	228		1.509.400.000	506.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(674.740.503)	(506.400.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>389.348.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		389.348.000	-
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.147.069.414</b>	<b>17.392.085.244</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	12.147.069.414	17.392.085.244
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>517.739.314.705</b>	<b>515.904.354.810</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>142.540.364.426</b>	<b>235.326.415.923</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114.894.304.751</b>	<b>207.850.510.898</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	39.628.909.116	33.995.603.795
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	790.699.027	60.637.187.133
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	45.310.606.606	57.145.672.209
4. Phải trả người lao động	314		18.508.282.396	16.267.396.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	5.871.936.214	3.631.170.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	4.128.320.752	4.252.098.281
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	31.143.432.040
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		655.550.640	777.950.640
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.646.059.675</b>	<b>27.475.905.025</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	27.646.059.675	27.475.905.025
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.15</b>	<b>375.198.950.279</b>	<b>280.577.938.887</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>375.198.950.279</b>	<b>280.577.938.887</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.900.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.900.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.537.064.160	19.537.064.160
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		147.954.381.968	147.954.381.968
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.338.016.695	82.801.418.996
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.001.418.996	1.000.000.000
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		126.336.597.699	81.801.418.996
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		469.487.456	285.073.763
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>517.739.314.705</b>	<b>515.904.354.810</b>

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.369.393.554.517	980.883.327.106
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	69.083.147	1.307.880
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.369.324.471.370	980.882.019.226
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.090.605.823.294	786.158.391.839
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		278.718.648.076	194.723.627.387
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.963.050.674	4.328.718.996
7. Chi phí tài chính	22		698.965.822	226.370.968
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		513.373.437	226.370.968
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	105.864.307.933	76.585.783.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	25.334.539.883	20.149.000.921
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		157.783.885.112	102.091.191.339
11. Thu nhập khác	31	VI.5	2.422.476.255	1.887.114.505
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.817.664.586	1.597.577.755
13. Lợi nhuận khác	40		604.811.669	289.536.750
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		158.388.696.781	102.380.728.089
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	31.848.028.910	20.559.652.614
16. Thu nhập (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		126.540.667.871	81.821.075.475
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		126.336.597.699	81.801.418.996
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		204.070.172	19.656.479
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	40.886	27.267
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	40.886	26.473


Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởngĐỗ Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 03 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

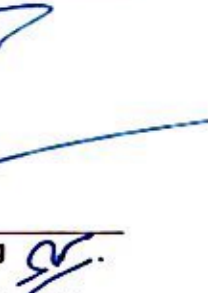
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	158.388.696.781	102.380.728.089
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	57.471.555.154	46.482.240.483
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.788.468.808)	(4.783.559.905)
Chi phí lãi vay	06	(513.373.437)	226.370.968
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	204.558.409.690	144.305.779.635
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	59.407.185.386	(45.509.413.291)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(22.092.866.564)	(6.545.964.279)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(72.807.712.656)	50.362.196.615
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	5.318.989.350	3.317.913.227
Tiền lãi vay đã trả	14	513.373.437	(226.370.968)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.570.361.721)	(16.516.579.811)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(122.400.000)	(81.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	154.204.616.922	129.106.061.128
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.530.437.164)	(93.442.409.293)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	164.545.455	454.840.909
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(266.237.806.077)	(50.252.054.795)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	220.744.930.436	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.241.380.544	3.929.153.213
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.617.386.806)	(139.310.469.966)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	199.108.451.847	66.434.679.178
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(230.251.883.887)	(35.291.247.138)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.909.830.469)	(6.010.173.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.053.262.509)	25.133.258.050
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	45.533.967.607	14.928.849.212
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	116.115.107.853	101.186.258.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	161.649.075.460	116.115.107.853

  
Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

  
Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



  
Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 03 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700433939 cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 số 5700433939 ngày 24 tháng 05 năm 2022 vốn điều lệ của Công ty là 30.900.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.090.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, nhập khẩu mặt hàng nước giải khát có cồn và không có cồn (Bia, rượu và các loại nước giải khát khác).
- Kinh doanh dịch vụ tổng hợp.
- Nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai	Quảng Ninh	99%	99%	99%	Sản xuất bia và nước giải khát

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**7. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 580 người (tại 31 tháng 12 năm 2021 là 499 người).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai do Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
Máy móc thiết bị	3,5 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các loại chai, keg đựng bia, công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Lãi trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.925.965.709	2.861.291.801
Tiền gửi ngân hàng	11.916.896.143	2.708.724.301
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	145.806.213.608	110.545.091.751
<b>Cộng</b>	<b>161.649.075.460</b>	<b>116.115.107.853</b>

(\*) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất tiền gửi từ 3,5%/năm đến 6%/năm.

**2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	95.744.930.436	50.252.054.795
<b>Cộng</b>	<b>95.744.930.436</b>	<b>50.252.054.795</b>

(i) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Ninh, lãi suất từ 5%/năm đến 8%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ngô Thị Hương	781.119.987	-
Tạ Hữu Bản	441.340.890	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	471.437.061	-
<b>Cộng</b>	<b>1.693.897.938</b>	<b>-</b>

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa	10.715.381.145	-
BOORTMALT UK	4.038.755.000	1.872.780.000
Công ty TNHH MTV máy Thái Dương	671.800.000	671.800.000
Công ty Cổ phần Bắc Mỹ	-	19.189.500.000
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4.850.845.214	2.354.321.756
<b>Cộng</b>	<b>20.276.781.359</b>	<b>24.088.401.756</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	2.135.497.017	1.150.986.400
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	686.118.885	71.578.180.510
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	982.357.373	599.814.564
Phải thu khác	14.560.554.065	1.942.465.984
<b>Cộng</b>	<b>18.364.527.340</b>	<b>75.271.447.458</b>

(i) Gồm các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán L/C phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thư tín dụng của Công ty, cụ thể:

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2017/479127/HĐBĐ ngày 30 tháng 06 năm 2017, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 4,8%/năm, kỳ hạn 03 tháng.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2020/479127/HĐBĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 3,4%/năm, kỳ hạn 01 tháng.

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	112.808.680	186.782.200
<b>Cộng</b>	<b>112.808.680</b>	<b>186.782.200</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.748.051.557	13.983.720.280
Chi phí sửa chữa	2.233.139.821	3.328.376.626
Chi phí trả trước dài hạn khác	165.878.036	79.988.338
<b>Cộng</b>	<b>12.147.069.414</b>	<b>17.392.085.244</b>



**CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**Mẫu số B 09 - DN/HN**Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Cộng	
	Phần mềm máy tính VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	506.400.000	506.400.000
Mua trong năm	1.003.000.000	1.003.000.000
Số dư cuối năm	1.509.400.000	1.509.400.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	506.400.000	506.400.000
Khấu hao trong năm	168.340.503	168.340.503
Số dư cuối năm	674.740.503	674.740.503
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	834.659.497	834.659.497

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	39.489.470.221	-	28.265.971.497	-
Công cụ, dụng cụ	1.574.552.989	-	1.067.827.490	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	7.333.467.106	-
Thành phẩm	16.395.084.903	-	884.208.790	-
Hàng hoá	614.197.233	-	25.215.268	-
<b>Cộng</b>	<b>58.073.305.346</b>	<b>-</b>	<b>37.576.690.151</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yên Kiều  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	45.012.639.713	473.911.543.464	48.024.189.774	4.334.991.893	571.283.364.844
Mua trong năm	-	4.564.073.750	4.487.401.414	-	9.051.475.164
Đầu tư XDCB hoàn thành	86.614.000	-	-	-	86.614.000
Thanh lý, nhượng bán	-	1.677.654.000	617.461.905	-	2.295.115.905
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>45.099.253.713</b>	<b>476.797.963.214</b>	<b>51.894.129.283</b>	<b>4.334.991.893</b>	<b>578.126.338.103</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	34.154.572.401	309.708.911.022	28.221.860.819	4.247.892.642	376.333.236.884
Khấu hao trong năm	1.827.733.993	49.333.111.326	6.106.897.870	35.471.462	57.303.214.651
Thanh lý, nhượng bán	-	1.677.654.000	617.461.905	-	2.295.115.905
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>35.982.306.394</b>	<b>357.364.368.348</b>	<b>33.711.296.784</b>	<b>4.283.364.104</b>	<b>431.341.335.630</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm	10.858.067.312	164.202.632.442	19.802.328.955	87.099.251	194.950.127.960
Số dư cuối năm	9.116.947.319	119.433.594.866	18.182.832.499	51.627.789	146.785.002.473

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 274.992.948.909 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 253.659.107.730 đồng).

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGAN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
CÔNG TY TNHH Công ty TNHH Asia Packaging Industries Việt Nam tại Miền Bắc	19.956.759.438	19.956.759.438	-	-
Công ty Cổ Phần tập đoàn Bắc Mỹ	7.310.671.202	7.310.671.202	-	-
Công ty Liên Doanh TNHH CROWN Hà Nội	2.089.982.965	2.089.982.965	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	10.271.495.511	10.271.495.511	33.995.603.795	33.995.603.795
<b>Cộng</b>	<b>39.628.909.116</b>	<b>39.628.909.116</b>	<b>33.995.603.795</b>	<b>33.995.603.795</b>



**CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
Số 130, đường Lê Lợi, phường Yên Kiều  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Minh Linh Star	-	-	11.810.280.000	11.810.280.000
Phạm Thị Nhung	289.124.985	289.124.985	5.154.800.000	5.154.800.000
Mai Duy Tùng	213.500.004	213.500.004	16.800.000	16.800.000
Ngô Hiếu Công	73.928.232	73.928.232	3.305.650.000	3.305.650.000
Các đối tượng khác	214.145.806	214.145.806	40.349.657.133	40.349.657.133
<b>Cộng</b>	<b>790.699.027</b>	<b>790.699.027</b>	<b>60.637.187.133</b>	<b>60.637.187.133</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu, bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	223.837.130	223.837.130
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	24.480.090	192.145.346	167.665.256
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	30.600.742	1.777.721.069	1.754.577.502	7.457.175
<b>Cộng</b>	<b>30.600.742</b>	<b>1.802.201.159</b>	<b>2.170.559.978</b>	<b>398.959.561</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.224.679.104	242.387.286.389	245.611.965.493	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	31.997.544.785	465.628.094.887	486.318.204.492	11.307.435.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.559.652.614	31.848.028.910	20.570.361.721	31.837.319.803
Thuế thu nhập cá nhân	1.349.970.197	3.514.900.941	2.709.454.715	2.155.416.423
Thuế tài nguyên	11.142.400	167.123.200	167.830.400	10.435.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	726.102.384	726.102.384	-
Phí, lệ phí khác phải nộp nhà nước	2.683.109	299.865.744	302.548.853	-
<b>Cộng</b>	<b>57.145.672.209</b>	<b>744.571.402.455</b>	<b>756.406.468.058</b>	<b>45.310.606.606</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thưởng cho các đại lý	5.706.357.076	3.271.170.000
Chi phí phải trả khác	165.579.138	360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.871.936.214</b>	<b>3.631.170.000</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	33.147.740	65.375.097
- Bảo hiểm xã hội;	15.158.723	-
- Bảo hiểm y tế;	6.174.381	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.073.839.908	4.186.723.184
<b>Cộng</b>	<b>4.128.320.752</b>	<b>4.252.098.281</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	27.646.059.675	27.475.905.025
<b>Cộng</b>	<b>27.646.059.675</b>	<b>27.475.905.025</b>

(i) Các khoản nhận ký quỹ của các đại lý bia của Công ty.



**CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yên Kiêu  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	19.537.064.160	90.151.900.779	64.802.481.189	285.417.284	204.776.863.412
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	81.801.418.996	19.656.479	81.821.075.475
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	57.802.481.189	(57.802.481.189)	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	(6.000.000.000)	(20.000.000)	(6.020.000.000)
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	19.537.064.160	147.954.381.968	82.801.418.996	285.073.763	280.577.938.887
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	126.336.597.699	204.070.172	126.540.667.871
Tặng vốn (i)	900.000.000	-	-	(900.000.000)	-	-
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(31.900.000.000)	(19.656.479)	(31.919.656.479)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>30.900.000.000</b>	<b>19.537.064.160</b>	<b>147.954.381.968</b>	<b>176.338.016.695</b>	<b>469.487.456</b>	<b>375.198.950.279</b>

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 05 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Trong đó, chia cổ tức cho cổ đông là 31.900.000.000 đồng;

(ii) Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 04 tháng 03 năm 2022 về việc điều chỉnh phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và Nghị Quyết số 100/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 19 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Theo đó: Số lượng cổ phiếu đã phát hành cho người lao động trong Công ty là 90.000 cổ phiếu, nguồn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.090.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.090.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.090.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.090.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bia và nước giải khát và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.369.393.554.517</b>	<b>980.883.327.106</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán bia	1.241.165.589.927	891.903.260.950
Doanh thu vận chuyển bia	128.227.964.590	88.980.066.156
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>69.083.147</b>	<b>1.307.880</b>
- Chiết khấu thương mại	69.083.147	1.307.880
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.369.324.471.370</b>	<b>980.882.019.226</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán bia	1.031.382.106.451	738.504.099.787
Giá vốn vận chuyển bia	59.223.716.843	47.654.292.052
<b>Cộng</b>	<b>1.090.605.823.294</b>	<b>786.158.391.839</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.623.923.353	4.328.718.996
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	339.127.321	-
<b>Cộng</b>	<b>10.963.050.674</b>	<b>4.328.718.996</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	28.947.641.051	18.309.860.611
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	9.712.534.591	11.684.799.578
Chi phí khấu hao TSCĐ	139.883.070	24.281.112
Thuế, phí và lệ phí	117.664.670	51.676.850
Các khoản chi phí khác	66.946.584.551	46.515.165.004
<b>Cộng</b>	<b>105.864.307.933</b>	<b>76.585.783.155</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	11.576.850.210	11.596.154.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.145.524.015	1.019.690.601
Thuế, phí, lệ phí	1.780.971.069	740.602.384
Các khoản chi phí khác	9.831.194.589	6.792.552.988
<b>Cộng</b>	<b>25.334.539.883</b>	<b>20.149.000.921</b>

**5. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	164.545.455	454.840.909
Thu bồi hoàn tiền đặt cọc vỏ chai	162.547.582	269.361.094
Các khoản khác	2.095.383.218	1.162.912.502
<b>Cộng</b>	<b>2.422.476.255</b>	<b>1.887.114.505</b>

**6. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Truy thu, phạt và chậm nộp thuế	90.000.000	15.554.983
Chi phí bán điện	542.594.005	525.942.408
Các khoản khác	1.185.070.581	1.056.080.364
<b>Cộng</b>	<b>1.817.664.586</b>	<b>1.597.577.755</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	5.150.116.281	495.300.722
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long	26.697.912.629	20.064.351.892
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>31.848.028.910</b>	<b>20.559.652.614</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	126.336.597.699	81.801.418.996
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>126.336.597.699</b>	<b>81.801.418.996</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.090.000	3.000.000
<i>Ảnh hưởng suy giảm do:</i>		
Dự kiến phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) (*)	-	90.000
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>3.090.000</b>	<b>3.090.000</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>40.886</b>	<b>27.267</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>40.886</b>	<b>26.473</b>

(\*) Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo 100/NQ-HĐQT Nghị Quyết Hội đồng quản trị ngày 19 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Số lượng cổ phiếu đã phát hành cho người lao động trong Công ty là 90.000 cổ phiếu, nguồn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	81.801.418.996	-	81.801.418.996
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>81.801.418.996</b>	<b>-</b>	<b>81.801.418.996</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.000.000	-	3.000.000
<i>Ảnh hưởng suy giảm do:</i>			
Dự kiến phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP)	100.000	(10.000)	90.000
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>3.100.000</b>	<b>(10.000)</b>	<b>3.090.000</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>26.388</b>	<b>85</b>	<b>26.473</b>

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	496.099.678.882	330.595.574.365
Chi phí nhân công	46.309.682.610	92.457.993.598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.358.949.475	46.482.240.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	94.741.610.872	77.855.407.689
<b>Cộng</b>	<b>687.509.921.839</b>	<b>547.391.216.135</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Doãn Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
Ông Doãn Trường Giang	Tổng giám đốc
Ông Daisuke Komoto	Thành viên HĐQT
Ông Shunjiro Suga	Thành viên HĐQT

Thù lao phụ của Hội đồng quản trị, thu nhập Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
1. Ông Doãn Văn Quang	899.664.538	1.114.401.538
2. Ông Shunjiro Suga	70.000.000	70.000.000
3. Ông Trần Văn Thiệu	469.365.384	1.181.891.359
<b>Tổng Giám đốc</b>		
1. Ông Doãn Trường Giang	1.045.775.385	1.226.360.385
<b>Ban kiểm soát</b>		
1. Bà Nguyễn Thị Kim Loan	155.545.323	238.388.525
2. Ông Phạm Minh Hưng	320.019.616	426.212.307
3. Bà Nguyễn Thị Trục	12.000.000	8.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.972.370.247</b>	<b>4.265.254.114</b>

**2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu



Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Doãn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 03 năm 2023